

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Mẫu giáo (3 - 6 tuổi)
Số trẻ: 135

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Cháo thịt bò đủ đủ hương, khoai lang, cải thìa, hành lá, ngò rí
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Trứng vịt hấp đậu hũ non, thịt heo, nấm đùi gà, hành baro
- Canh mồng tơi, nấm kim châm nấu cua đồng, hành lá
- Đậu cove xanh luộc
Xế: Bánh Pudding trứng sữa
Xế chiều: Nui xoắn xào tôm tươi, củ sắn, nấm hương, bông cải xanh, cải ngọt, hành lá, ngò rí

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	1,600	3,140	50,240
2	0494	Đường cát	1,300	3,880	50,440
3	0522	Nước mắm cá (loại đặc biệt)	1,000	6,160	61,600
4	0523	Nước mắm loại I	800	4,400	35,200
5	N0966	Muối Iot	900	740	6,660
6	0004	Gạo tẻ máy	9,800	2,560	250,880
7	0120	Hành lá (hành hoa)	450	8,400	37,800
8	0164	Rau mùi (ngò rí)	350	8,930	31,255
9	0119	Hành tím (hành củ tươi)	200	6,300	12,600
10	0185	Tỏi ta	100	7,460	7,460
11	0097	Cải thìa (cải trắng)	400	6,510	26,040
12	0115	Đu đủ xanh	600	3,680	22,080
13	0031	Khoai lang	600	4,200	25,200
14	0286	Thịt bò loại II	1,500	36,750	551,250
15	N0850	Mỡ heo sống	600	10,300	61,800
16	0002	Gạo nếp (loại thường)	1,300	3,050	39,650
17	N0821	Đậu hũ non (đậu phụ non)	1,200	8,067	96,804
18	0186	Tỏi tây (củ lá)	400	8,610	34,440
19	0635	Nấm đùi gà	300	11,450	34,350
20	0443	Trứng vịt	3,600	6,750	243,000
21	0365	Thịt heo (nạc vai)	2,900	17,850	517,650
22	0163	Rau mồng tơi	2,900	5,040	146,160
23	N0965	Nấm kim châm	700	10,610	74,270
24	0407	Cua đồng	1,200	19,430	233,160

25	0111	Đậu cô ve	1,100	9,140	100,540
26	0750	Nui	3,300	4,620	152,460
27	0182	Bông cải xanh (súp lơ)	600	9,770	58,620
28	0190	Cải ngọt	600	5,880	35,280
29	0027	Củ sắn (khoai mì)	600	2,520	15,120
30	0209	Nấm hương tươi (nấm đông cô)	200	27,300	54,600
31	0424	Tôm sú	1,650	30,980	511,170
32	0457	Sữa bột toàn phần	3,804.98	20,500	780,021
33	0646	Bánh pudding	5,400	11,800	637,200
Tổng cộng					4,995,000

Tổng tiền thực phẩm	4,995,000
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	4,995,000
Số dư đầu ngày	0
Số dư cuối ngày	0
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	25,604,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	25,604,000

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan